Buoc dau hoc Phat - 22

Bước Đầu Học Phật

Buoc dau hoc Phat - 22

Vietnamese, with Unicode Times font

Bước đầu Học Phật

Hòa thượng Thích Thanh Từ

-22-

Chữ TỨC trong đạo Phật N gười đời và những người mới học đạo đều nhìn sự vật với tính cách cố định. Nói ác hẳn là ác, nói thiện hẳn là thiện, phải hẳn là phải, quấy hẳn là quấy, có hẳn là có, không hẳn là không... họ không hiểu nổi lối nói " cái này tức là cái kia ", trong kinh điển Đại thừa. Họ cho lối nói này ỡm ờ mờ ám không chấp nhận được. Song với tinh thần Đại thừa Phật giáo, nhìn sự vật thấy rõ không có bản chất cố định, không ngoài nhau. Vì thế, trong kinh nói "Sắc tức là Không, Không tức là Sắc", hay "Phiền não tức Bồ-đề", hoặc "Sanh tử tức Niết-bàn". Chỉ một chữ "Tức" làm sáng tỏ nghĩa không cố định, không ngoài nhau của các Pháp.

SẮC TỨC LÀ KHÔNG, KHÔNG TỨC LÀ SẮC

Câu này xuất phát từ kinh Bát-nhã. Chữ Sắc ở đây là chỉ cho Sắc uẩn. Dưới con mắt đức Phật, thân này do năm uẩn kết hợp thành. Sắc uẩn là phần vật chất; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là phần tinh thần. Chẳng riêng gì sắc uẩn tức là không, mà thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Bởi vì bản chất mọi uẩn không tự có, do duyên hòa hợp thành. Đã do nhân duyên hòa hợp thì làm sao cố định được. Trước khi nhân duyên hòa hợp nó không có, sau khi nhân duyên ly tán, nó cũng không, chính khi duyên đang hợp phân tích ra cũng không có thực thể của nó. Ví như nắm tay, trước khi co năm ngón lại, không có nắm tay, sau khi buông năm ngón ra không có nắm tay, đang khi co năm ngón lại nếu phân tích từng ngón cũng không có nắm tay. Thế thì, nắm tay chỉ là cái tên tạm gọi khi co năm ngón lại, chớ không có thực thể cố định của nắm tay. Sắc uẩn không cố định nên nói "sắc tức là không"; không, khi đủ duyên hợp thành sắc nên nói "không tức là sắc", sắc chẳng ngoài tính chất không cố định, không cố định chẳng ngoài sắc, nên nói "sắc tức là không, không tức là sắc"! Thấu triệt lý các pháp tùy duyên biến chuyển, không đứng yên, không tự thành, là thông suốt câu "sắc tức là không, không tức là sắc".

PHIỀN NÃO TỨC BỒ-ĐỀ

Câu này bàng bạc trong các kinh Đại thừa. Phiền não là si mê bực bội đau khổ. Bồ-đề là giác ngộ yên tĩnh an vui. Hai thứ bản chất trái ngược nhau, tại sao lại nói cái này tức cái kia? Bởi phiền não bản chất không cố định, khi biết chuyển hoặc biết xả liền thành Bồ-đề. Cái động không ngoài cái tịnh, dừng động tức là tịnh. Cái sáng không ngoài cái tối, hết tối tức là sáng. Chúng ta cứ quen chạy tìm cái giác ở ngoài cái mê, tìm an vui ngoài đau khổ. Sự thật không phải thế, hết mê tức là giác, dứt khổ tức là vui. Thiền sư

Tư Nghiệp người Trung Hoa, khi chưa xuất gia làm nghề hàng thịt. Một hôm mổ heo, bỗng dưng ông thức tỉnh, bỏ nghề đi xuất gia. Khi xuất gia, ông làm bài kệ:

Tạc nhật dạ-xoa tâm

Kim triêu Bồ-tát diện

Bồ-tát dữ Dạ-xoa

Bất cách nhất điều tuyến.

Dịch:

Hôm qua tâm dạ-xoa,

Ngày nay mặt Bồ-tát

Bồ-tát cùng Dạ-xoa

Không cách một sợi chỉ.

Biết dừng phiền não tức Bồ-đề, không phải nhọc nhằn tìm kiếm đâu xa. Bồ-đề đã sẵn có nơi mình, do phiền não dấy khởi phủ che nên Bồ-đề bị ẩn khuất. Một khi phiền não lắng xuống thì Bồ-đề hiện tiền. Chúng ta ôm đầy một bụng phiền não chạy tìm Bồ-đề, dù chạy cùng ngàn sông muôn núi tìm vẫn không thấy Bồ-đề. Chỉ khéo ngồi yên lại cho phiền não lắng xuống thì Bồ-đề hiện tiền.

Như khi trời đổ mưa to, nước mưa từ hư không mưa xuống là trong sạch, song rơi đến mặt đất lôi cuốn bụi bặm bùn đất chảy xuống ao hồ, thấy toàn nước đục. Có người c?n nước trong xài, ra ao hồ nhìn thấy toàn nước đục không biết làm sao. Gặp người thông minh bảo: nước đục tức là nước trong, anh ta ngẩn ngơ không hiểu, ông này bảo: Anh cứ gánh về đổ vào lu, lấy ít phèn quậy nhiều vòng cho nước cuồn lộn lên, rồi để yên vài tiếng đồng hồ, cặn bụi lắng xuống nước sẽ trong. Anh chàng kia làm đúng như người thông minh dạy, kết quả anh được nước trong.

Bởi vì nước mưa nguyên là trong, do bụi đất cuốn theo và hòa tan trong nước nên trở thành đục. Kẻ khờ thấy nước đục khác với nước trong, tưởng chừng như nước trong ngoài nước đục mà có, nên khi cần nước trong thấy nước đục là thất vọng, không biết phải tìm nước trong ở đâu. Người trí biết nước mưa vẫn trong, do bụi đất hòa lẫn nên đục, chỉ cần lóng bụi đất trở thành nước trong. Vì thế, khi thấy nước đục, họ vẫn quả quyết nói "nước đục tức là nước trong". Chữ tức ở đây để chỉ nước trong không cố định trong, do duyên hợp thành đục; nước đục không cố định đục, do duyên lóng thành trong. Nước đục không ngoài nước trong mà có; nước trong không thể bỏ nước đục mà tìm. Bồ-đề và phiền não cũng thế, phiền não không cố định phiền não, do duyên hợp thành phiền não, Bồ-đề không cố định Bồ-đề, do duyên lóng sạch thành Bồ-đề. Bồ-đề không ngoài phiền não mà có, phiền não không ngoài Bồ-đề mà sanh. Bỏ phiền não chạy tìm Bồ-đề như người lưới cá trên không, bẫy chim đáy biển, rốt cuộc chỉ phí công vô ích.

Nước đục lóng thành nước trong, trẻ con thấy mới được nước trong, người lớn biết nước trước nguyên trong, nay lóng trở lại trạng thái cũ, có gì là "được". Nếu trước nước vốn đục, nay lóng mấy cũng không trở thành trong. Cũng vậy, nếu tất cả chúng sanh không có sẵn tánh giác, dù có tu hành đến đâu cũng không thể giác được. Chư Phật, Bồ-tát trước cũng là chúng sanh, các Ngài tu hành đã giác ngộ được, tất cả chúng ta nếu biết tu hành chắc chắn sẽ giác ngộ như các Ngài. Vì thế, chư Phật thấy rõ tất cả chúng sanh đều có tánh giác, vì vô minh phiền não che đậy trở thành mê, một khi khéo tu lóng sạch vô minh phiền não liền trở lại giác. Từ mê sang giác, chúng sanh tưởng là mới được, nên thấy có chứng có đắc. Chư Phật biết rõ chỉ trở lại tánh giác sẵn có, nên nói vô chứng vô đắc. Vô chứng vô đắc không có nghĩa là không ngơ, mà không còn mê, hằng sống lại tánh giác của mình. Cái đã sẵn có, trở lại với nó có gì thêm bớt mà nói chứng đắc. Tuy không chứng đắc mà hằng giác chẳng mê, làm sao nói không ngơ được?

Biết trong nước đục vốn là nước trong, nước đục khéo lóng sẽ thành nước trong, đó là cái thấy của người thông minh. Đức Phật cũng thế, Ngài thấy tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh giác, dù đang mê tánh giác cũng không mất, nên nói "ta thấy tất cả chúng sanh đã thành Phật". Lại có khi Ngài nói "Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành". Bởi chúng ta đã sẵn tánh giác, một khi thức tỉnh huân tu tánh giác sẽ hiển hiện, việc này không có gì là lạ. Câu Phật nói trước có vẻ khó hiểu, đã thành Phật tại sao chúng sanh vẫn mê muội loạn cuồng. Bởi vì Phật cũng là một chúng sanh như chúng ta, Ngài khéo lóng vô minh phiền não chìm lặng trở thành giác ngộ. Nếu không có tánh giác sẵn, dù Ngài tu đến muôn a-tăng-kỳ cũng không ngộ, nói gì ba a-tăng-kỳ. Thấy chúng sanh sẵn có tánh giác, nói "đã thành Phật" thì có lỗi gì? Có sẵn tánh giác mà cứ quên, mải tạo nghiệp đi trong sanh tử luân hồi, càng luân hồi càng tạo nghiệp, nghiệp mê chồng chất nên thành mê muội loạn cuồng. Một phen thức tỉnh, dừng bước luân hồi, nghiệp mê băng hoại, mới tin "ta là Phật sẽ thành".

SANH TỬ TỨC NIẾT-BÀN

Chúng sanh mải trôi lăn, lặn hụp trong biển luân hồi sanh tử, dừng sanh tử được an lành là Niết-bàn. Sanh tử là khổ đau. Niết-bàn là an lạc. Sự khổ đau an lạc dường như hai mà không phải hai. Như người đi trên vai gánh một gánh nặng đi xa, họ cảm nghe nhọc nhằn vô kể, để gánh nặng xuống nghỉ, họ cảm thấy nhẹ bổng an vui. Cái nhọc nhằn và an vui người này cảm giác được, dường như hai mà không phải hai. Chẳng qua, khi gánh nặng còn đè trĩu trên vai là đau khổ, để gánh nặng xuống thì an vui. Do hết khổ gọi là vui, chớ không có cái vui từ đâu đem đến. Niết-bàn và sanh tử cũng thế, do hết sanh tử gọi là Niết-bàn, không có Niết-bàn ngoài sanh tử.

Chúng sanh tạo nghiệp, lại do nghiệp dẫn chúng sanh loanh quanh lẩn quẩn, không có ngày cùng. Chúng ta vì sự sống tạo nghiệp, nghiệp lại dẫn chúng ta qua lại trong tam giới, lên xuống trong sáu đường, không biết bao giờ ra khỏi. Nếu khéo tu dừng nghiệp thì bánh xe luân hồi sẽ theo đó mà dừng. Theo nghiệp trôi lăn là sanh tử, dừng nghiệp lặng yên là Niết-bàn. Vì thế, cần được Niết-bàn, chúng ta phải dừng nghiệp. Có nhiều người tưởng Niết-bàn là một cảnh giới xa xôi đẹp đẽ như cảnh Cực Lạc chẳng hạn. Họ cố cầu xin Phật, Bồ-tát cho họ được Niết-bàn hoặc tìm minh sư đạt đạo nhờ truyền

pháp hay điểm đạo cho họ được Niết-bàn. Họ không ngờ sạch nghiệp tức là Niết-bàn. Nghiệp lại do mình tạo, chỉ cần tìm ra động cơ chủ yếu tạo nghiệp, bắt nó dừng lại thì Niết-bàn hiện tiền. Tâm thức lăng xăng của chúng ta là chủ động tạo nghiệp, khéo tu dừng lặng nó thì Niết-bàn xuất hiện. Dừng ngắn thì được Niết-bàn ngắn, dừng lâu thì được Niết-bàn lâu, dừng hẳn thì được Niết-bàn viên mãn.

Sở dĩ có Niết-bàn là do đối với sanh tử mà lập, một khi sanh tử dứt sạch thì Niết-bàn cũng không còn chỗ đứng. Kinh có câu "Niết-bàn sanh tử đồng như hoa đốm trong không". Đã là hai danh từ đối đãi mà lập thì đều không thật. Không có sanh tử thì không có Niết-bàn; không có Niết-bàn thì nói gì là sanh tử. Như không có khổ thì không có vui, không có vui thì làm sao biết khổ. Niết-bàn và sanh tử không riêng lập và không ngoài nhau, nên nói "Sanh tử tức Niết-bàn".

Sẽ có người bảo, sanh tử là do nghiệp dẫn là pháp sanh diệt, hư dối là phải, Niết-bàn là dứt sạch nghiệp là chân thật, tại sao lại nói hư dối? Quả thật Niết-bàn không hư dối, song danh từ Niết-bàn là hư dối. Thực thể Niết-bàn không có hình dáng để diễn tả, không có ngôn ngữ để nói bàn, nó vượt ngoài pháp đối đãi thế gian. Ngôn ngữ chúng ta sử dụng để diễn đạt tâm tư đều nằm trong đối đãi không thật. Dù là ngôn ngữ Niết-bàn, cũng chỉ là lớp mây phủ núi, chớ không phải là núi, đứng về núi mà nhìn thì nó là cái hư dối bên ngoài không đáng kể. Thế nên nói "như hoa đốm trong hư không" mà thực thể chẳng phải không.

THIỆN TỨC ÁC, ÁC TỨC THIỆN, PHẢI TỨC QUẤY, QUẤY TỨC PHẢI

Ta có thể nói rộng ra "thiện tức ác, ác tức thiện" hay "phải tức quấy, quấy tức phải"... chẳng hạn. Bởi vì, dù là việc thiện mà chúng ta cố chấp liền trở thành ác. Ví như người theo tôn giáo A tự thấy là hay là lợi ích, liền khuyên bà con thân quyến cùng theo với mình. Nếu những người thân không bằng lòng theo, tức thì sanh tâm giận ghét. Thế không phải chấp thiện thành ác là gì? Tuy là việc ác, chúng ta ý thức được liền bỏ là trở thành thiện. Như anh A nghe theo bạn bè làm việc trộm cắp, gặp người tốt nhắc nhở giải thích cho A biết việc làm ấy là xấu xa, tội lỗi, A liền bỏ nghề trộm cắp. Quả thật ác biết bỏ liền trở thành thiện.

Phải quấy cũng không có tiêu chuẩn cố định, nếu ta chấp vào cái phải của mình liền trở thành quấy. Bao nhiêu việc cãi vã chửi lộn đánh lộn đâu không phải do chấp phải mà ra. Có người nào sau khi đánh lộn, bị người hỏi, dám nhận là tôi quấy đâu. Mọi người đều thấy mình phải nên có ẩu đả. Ngược lại, người ý thức việc làm của mình là quấy tự bỏ, liền trở thành phải. Những người lầm đường lạc lối, khi họ thức tỉnh xoay trở lại đường lành liền trở thành người tốt. Mọi sự việc trong đối đãi đều như thế cả, không có một sự việc gì là cố định. Cái phải của A không phải là cái phải của B. Cái phải của nhóm C không phải là cái phải của nhóm D. Cái phải của xứ này không phải là cái phải của xứ khác. Cái phải của thời gian trước không phải là cái phải của thời gian sau. Thế thì, lấy đâu làm tiêu chuẩn mà chấp phải quấy! Chấp chặt phải quấy là ngu xuẩn là khổ đau. Biết buông xả linh động tùy thời là người khôn ngoan an ổn.

CHỮ TỨC ĐỐI TRONG VẠN VẬT

Ta đi xa hơn ra ngoại giới, với mọi sự vật dùng chữ TỨC vẫn đúng lẽ thật. Như nói "thể lỏng tức là thể hơi" hoặc nói "thể hơi tức là thể lỏng". Nước là thể lỏng đun nóng bốc lên thành hơi, hơi nước lên cao gặp khí lạnh đọng lại rơi xuống thành nước thể lỏng. Cũng có thể nói "thể lỏng tức là thể cứng, thể cứng tức là thể lỏng". Nước là thể lỏng khi để vào tủ lạnh cô đọng thành nước đá thể cứng; nước đá đem để ngoài nắng tan thành nước thể lỏng. Ngoài nước ra, các loại chì, đồng, sắt..., từ thể cứng để vào lò nấu sức nóng lên đến 1.000 độ C trở lên sẽ chảy thành thể lỏng, thể lỏng đó đem ra để nguội trở thành cứng... Vì thế, thấu hiểu chữ TỨC là thấy đúng lẽ thật, cũng là thấy tột cùng lý tùy duyên chuyển biến của các pháp. Môn hóa học hiện tại chứng minh sự vật không tự tồn tại, không có cá thể độc lập, không giữ nguyên một vị trí. Một vật thể này bị thay đổi chất liệu liền biến thành vật thể khác. Thế nên, con người có thể dùng các thứ nguyên liệu khoa học đã tìm được, biến chế thành những sản phẩm hữu ích cung ứng cho nhân loại cần dùng. Mọi vật thể kết hợp không phải đơn thuần, mà sự cấu tạo rất phức tạp. Biết được sự cấu tạo của vật thể, người ta sẽ tạo điều kiện biến nó thành những vật theo nhu cầu của mình. Sự biến hóa đổi thay trong mỗi vật thể đã là bằng chứng hùng hồn về lý không cố định của sự vật. Thấy được lý không cố định là thấy tột bản tánh của sự vật. Những nguyên tố hợp thành sự vật tuy nhiều song chẳng lắm, do sự kết hợp tăng giảm biến thành muôn vàn sự vật có đủ thiên hình vạn trạng trên thế gian này. Quả là trong vật này có những nguyên tố của vật khác, trong vật khác có những nguyên tố của vật này. Thế nên, nói "A tức B, B tức A" là đúng lẽ thật đâu có sai ngoa.

HIỆU DỤNG CHỮ "TỨC" TRONG SỰ TU HÀNH

Hiểu rõ chữ TỨC có công hiệu rất lớn trong việc tu hành. A tức là B, thì A không thật A, B tức là A thì B không thật B. Muôn vật tùy duyên thay hình đổi dạng, có cái gì cố định mà chấp. Bệnh lớn của con người là cố chấp, chấp càng nặng thì khổ càng nhiều. Mỗi người chấp theo cái thấy, cái nghe, cái sở học, cái suy nghĩ, cái tưởng tượng của mình hoặc của nhóm người thân mình, nếu người khác thấy đồng cái thấy của mình, nhóm mình thì thân; thấy khác cái thấy cái chấp của mình, nhóm mình thì thù. Đây là gốc đấu tranh gây ra đau khổ cho nhân loại. Sự vật là một dòng biến thiên, mà mình nhìn theo cái chấp cố định thì làm sao thấy được lẽ thật, làm sao đem lại sự an bình. Con người khủng khiếp hãi hùng khi nghe tin mình sắp chết. Sợ chết vì chấp thân là chắc thật lâu dài, bỗng dưng nó sắp tan hoại nên hoảng sợ. Sự nghiệp tài sản cũng chấp cố định bền lâu, xảy ra tai nạn hỏa hoạn, binh đao, trộm cướp... khiến phải tan hoại, người ta sẽ đau khổ vô hạn. Tình cảm bạn bè, thân hữu..., chấp mãi mãi không đổi thay; một khi gặp cảnh đổi thay, người ta sẽ thảm sầu vô kể.

Người nắm vững nguyên tắc "các pháp không cố định", mọi cố chấp trên từ từ tan rã, khổ đau, sầu thảm, hoảng sợ, hãi hùng dần dần tan biến theo mây khói. Thân sắp chết, sự nghiệp tan vỡ, bạn bè chia lìa... cũng là lẽ đương nhiên trong dòng biến thiên của vạn vật. Chúng ta chưa can đảm cười trước cảnh ấy, song cũng can đảm nhìn chúng trôi qua với tâm niệm an bình. Bởi người tu hành là huân tập phát minh những lẽ thật ấy. Sở dĩ hiện nay có lắm người tu khi gặp hoàn cảnh tang thương biến cố liền hoảng sợ

bất an, do họ không phát minh những lẽ thật này. Họ nghĩ rằng tụng kinh nhiều, niệm Phật lắm, cúng kính hậu là đầy đủ công phu tu hành. Tu bằng cách nhắm ra ngoài, chạy theo hình thức làm sao đạt được lẽ thật, mà làm suy giảm khổ đau. Họ càng tu thì chấp càng nặng, chấp nặng thì đau khổ càng nhiều. Thế là, tu chỉ tăng khổ, chớ không hết khổ.

A tức là B, thì A không thật là A, B tức là A, thì B không thật là B, hai bên đều không cố định. Đã không cố định thì làm sao dám bảo là thật. Hai bên đều không thật thì không thể thành hai. Bởi không thể thành hai là tiến thẳng vào "Pháp môn bất nhị". Thấy vạn vật đối đãi không thật, còn gì để lý giải luận bàn. Vừa phát ra ngôn ngữ là nằm trong đối đãi, đối đãi thuộc hai bên. Muốn chỉ chỗ cứu kính của "Pháp môn bất nhị", ngài Duy-ma-cật chỉ còn cách lên tòa ngồi lặng thinh. Chính thế mà Bồ-tát Văn-thù tán thán không tiếc lời.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục

Source: Thiền tông Việt Nam , http://thientongvietnam.huongsen.com/

[Trở về trang Thư Mục]

updated: 01-12-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.